

THANH KHÔNG BÚT PHÁP TRONG *CỔ DUỆ TỪ* CỦA TÙNG THIỆN VƯƠNG MIÊN THẨM

Nguyễn Văn Phương, Đào Thùy Dương

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Trong giai đoạn cuối thế kỉ XVIII, Tùng Thiện Vương Miên Thẩm nổi lên như một đại gia văn chương với số lượng trước tác đồ sộ và được đánh giá rất cao về nghệ thuật. Trong số trước tác đồ sộ ấy, sẽ thật thiếu sót nếu như không nhắc đến một tác phẩm độc đáo đó chính là *Cổ duệ từ* - tập từ toàn vẹn nhất, tiêu biểu nhất trong nền Văn học Việt Nam tính cho đến nay. Về mặt nghệ thuật, tác phẩm *Cổ duệ từ* của Miên Thẩm đạt đến độ sâu của cảm xúc và sự thuần thực về bút pháp, có những nét độc đáo riêng mà được coi là “nghiêm nhiên trở thành một nhà”, không hổ danh với biệt hiệu được tôn xưng là “nhất đại thi ông”.

Từ khóa: Miên Thẩm, *Cổ duệ từ*, Từ, Từ học, Thanh không bút pháp.

Nhận bài ngày 17.4.2022; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 21.6.2022

Liên hệ tác giả: Nguyễn Văn Phương; Email: nvphuong2@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Vài nét về Tùng Thiện Vương Miên Thẩm

Tùng Thiện vương, biểu tự Trọng Uyên (仲淵), lại có tự khác là Thận Minh (慎明), hiệu Thương Sơn (倉山), biệt hiệu Bạch Hào Tử (白毫子). Vương là con trai thứ 10 của Minh Mạng, sinh ngày 24 tháng 10 năm Kỷ Mão (tức 11 tháng 12 năm 1819) tại cung Thanh Hòa trong cấm thành Huế. Mẹ ông là Thục tần Nguyễn Thị Bửu (阮氏寶), người Bình Chương, Gia Định, con gái của Tư không Nguyễn Khắc Thiệu (阮克紹). Thuở lọt lòng, vương được Hoàng tổ phụ tức vua Gia Long đặt tên là Hiện (暉). Đến năm 1832, khi đã có Đế hệ thi, ông được cải tên là Nguyễn Phúc Miên Thẩm (阮福綿審). Theo *Nguyễn Phước tộc thế phả* ghi chép, từ nhỏ vương đã thông minh, đỉnh ngộ hơn người. Tuổi lên năm, ngài đã học *Tam tự kinh*, *Thiên tự văn* và ngày tập viết vài hàng. Đến năm 7 tuổi, Vương đã học qua kinh, truyện, sử. Nhân khi Dưỡng Chính đường vừa mới xây xong, Thục Tần mới tâu xin cho con qua đó để học chung với anh, có hai đại thần Trương Đăng Quế và Thân Văn Quyền giảng dạy. Ông rất chịu khó học tập, nên mới 8 tuổi (1827), nhân theo hầu vua Minh Mạng dự lễ Nam Giao, ông làm bài Nam Giao thi, rất được tán thưởng.

Năm 1839, khi tròn 20 tuổi vương được phong làm Tùng Quốc công (從國公), mở phủ ở phường Liêm Năng, bên bờ sông An Cựu, Huế. Đến năm 1849, ông lập thêm Tiêu Viên sau phủ, đón mẹ (Thục tần Nguyễn Thị Bửu) và ba em gái (Nguyệt Đình, Mai Am và Huệ Phó) ra phụng dưỡng chăm nuôi. Khi các em lần lượt có chồng, rồi mẹ mất, ông cải tạo phủ chính làm nhà thờ, còn mình lui về ở Tiêu Viên và dựng lầu tranh bên cạnh mộ mẹ cư tang ba năm. Năm 1854, mãn tang, ngài được gia phong Tùng Thiện công (從善公). Năm 1865, ông giữ chức Tả Tôn Nhân phủ, trong thời gian này xảy ra sự biến giặc Chày vôi. Trước đó, ông đã gả con gái là Thê Cúc cho Đoàn Hữu Trung, một thanh niên ở làng An Truyền (tức làng Chuồn). Năm 1866, Hữu Trung ngầm làm cuộc nổi dậy nhằm lật đổ Tự Đức. Việc thất bại, Hữu Trung và nhiều người bị hành hình. Mặc dù trước đó, Hữu Trung đã lấy cớ vợ cư xử trái lễ với mẹ chồng mà trả về để tránh liên lụy cho nhà vợ, Miên Thẩm cũng trối cả con gái và cháu ngoại, quỳ dâng sớ xin chịu tội. Tự Đức không kết tội chỉ nói ông: “*Chọn rể không cẩn thận để mất thanh danh, nay trừ bổng trong tám năm*”. Suốt những năm bị trừ bổng ấy, ông lên ngôi chùa cổ Từ Lâm hoang tàn ở xã Dương Xuân làm nơi cư ngụ, vợ con phải canh tác trồng cây quả đem ra chợ bán để có cái ăn hàng ngày.

Vương mất ngày 30 tháng 3 năm Canh Ngọ (tức 30 tháng 4 năm 1870), thọ 51 tuổi, thụy là Văn Nhã (文雅). Năm 1878, ngài được vua Tự Đức gia tặng là Tùng Thiện Quận vương (從善郡王). Năm 1936, vua Bảo Đại mới truy phong ông là Tùng Thiện vương (從善王) - danh hiệu chúng ta biết đến ngày nay. Theo như giai thoại cũng như sử sách ghi chép thì tuy được vua cha kì vọng sẽ là cánh tay đắc lực phụ giúp việc triều chính nhưng Tùng Thiện Vương gần như dồn cả tinh anh của mình vào thơ ca, vương không để lại dấu ấn gì nhiều về chính sự. Cuộc đời Tùng Thiện Vương trải qua 3 triều vua, ngài được sinh ra trong thời vua Gia Long, lớn lên trong thời vua Minh Mạng và trải cả hai triều Thiệu Trị, Tự Đức. Có thể nói vương là người chứng kiến bao sự thăng trầm của triều đại, từ sự khó khăn gian lao thời an bang định quốc nửa đầu triều vua cha Minh Mạng, rồi lúc đình thịnh thái bình triều vua Thiệu Trị, đến lúc biến động suy vi của thời Tự Đức. Phải chăng với một tâm hồn yêu thơ lại sinh ra trong gia đình đế vương, nếm trải đủ sự giàu sang tôn quý tột độ đến những năm tháng mang tiếng có tội rồi chịu cơ hàn, chứng kiến cảnh tượng cơ đồ từ vất vả xây dựng đến lúc thái bình thịnh trị rồi ngoại bang xâm lấn đến dần suy vi, cảnh tượng nhân dân lầm than dưới mầm mống chiến tranh đã hun đúc nên một tâm hồn thơ mang nặng nỗi niềm. Thiên bẩm có tài chữ nghĩa cùng với sự nhạy bén của tâm hồn khiến cho thơ của Tùng Thiện Vương dù viết theo thể loại nào, dù mang nội dung cảm hoài, ngôn chí hay thù tạc... tất cả đều có văn pháp giản dị, ý tứ thâm sâu, chữ nghĩa chọn lọc.

Về văn nghiệp, ông là một nhà thơ chữ Hán bậc thầy, được các danh sĩ đương thời, kể cả vua Tự Đức, nhờ duyệt thơ và được một số nhà thơ Trung Quốc đánh giá cao, trong đó có Tiên sĩ Lao Sùng Quang. Về danh tiếng thơ ca, chắc hẳn nhắc đến vương thì người ta nghĩ ngay đến hai câu thơ tương truyền do vua Tự Đức đã viết:

Văn như Siêu Quát vô tiền Hán

Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường

Nghĩa là:

Vẫn như ông Siêu, ông Quát thì đời Tiên Hán cũng không có

Thơ đến Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương làm mờ cả thời Thịnh Đường

Tùng Thiện Vương cùng với hai em là Tuy Lý Vương, Tương An Quận Vương, cũng được người đời xưng tụng là “Tam Đường”. Sự nghiệp trước tác của Tùng Thiện Vương rất đồ sộ về số lượng và phong phú về thể loại (14 tập). Trong số đó đáng kể là *Thương Sơn thi tập*, gồm 54 quyển chia ra 8 tập với hơn 2.200 bài thơ. Các tác phẩm khác như: *Thương Sơn từ tập*, *Thương Sơn thi thoại*, *Thương Sơn ngoại tập*, *Thương Sơn văn di*,... Đặc biệt trong số trước tác có tập *Cổ duệ từ* gồm 104 bài được các nhà phê bình Trung Hoa đánh giá rất cao.

*** Vài nét về văn bản tác phẩm *Cổ duệ từ***

Trong Từ sử Việt Nam thời trung đại, theo khảo sát đến nay thì chỉ còn duy nhất một tập từ đó là *Cổ duệ từ* của Tùng Thiện vương Miên Thâm. Đã có nhiều tranh cãi về văn bản này, nhà thư mục học Trần Văn Giáp trong *Lược truyện các tác giả Việt Nam* cho biết Miên Thâm có *Thương Sơn từ tập*¹. Tuy nhiên, trong quá trình khảo sát thì không hề có *Thương Sơn từ tập*, có lẽ nhà thư mục họ Trần nhầm với *Cổ duệ từ*. Phan Văn Các trong phần đầu sách *Cổ duệ từ - Khúc hát gõ mái chèo* thì cho rằng ngoài *Thương Sơn thi tập* thì Miên Thâm “còn có những tập từ”.² Nhưng trên thực tế, sáng tác *Từ* của Tùng Thiện Vương chỉ còn lại một tập *Từ* duy nhất mang tên *Cổ duệ từ*. Ở trong nước, người đầu tiên nhắc đến tập *Cổ duệ từ* là Phan Văn Các. Trong bài “Về một chùm từ của Miên Thâm” trên *Tạp trí Văn học* số 3 năm 1998, ông có giới thiệu về một chùm *Từ* gồm 3 bài trong *Cổ duệ từ*. Đến năm 1999, ông công bố 14 bài và đồng thời cho biết một số thông tin về các bài *Từ* mà ông đã dịch³. Theo đó, có thể biết rằng Phan Văn Các thực ra không nắm được diện mạo toàn vẹn của *Cổ duệ từ*, phần ông tiếp xúc chỉ là dịch 14 bài được nhà nghiên cứu *Từ học* Trung Quốc là Hạ Thừa Đào trích tuyển từ *Cổ duệ từ*, rồi đưa vào sách *Vực ngoại từ tuyển*, năm 1934⁴. Hạ Thừa Đào cùng Du Bình Bá, Đường Khuê Chương, Long Du Sinh,... đều là các nhà từ học nổi tiếng đương thời. *Vực ngoại từ tuyển* là tuyển tập từ ngoài cõi Trung Hoa do Hạ Thừa Đào tuyển chọn bao gồm: 8 tác giả Nhật Bản (74 bài), 1 tác giả Triều Tiên (Lý Tề Hiền, 53 bài)⁵, 1 tác giả Việt Nam (Miên Thâm, 14 bài).

Theo lời bạt của Du Đức Nguyên gửi cho *Từ học quý san* ở Thượng Hải cho biết *Cổ duệ từ* được lưu truyền tới ngày nay là do vào năm Giáp Dần niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, đoàn công sứ Việt Nam mang theo trên đường đi sứ và được một nhà nho Trung Quốc là Lương Sẩn Dư chép lại rồi tặng cho Kính Dung công. Ông truyền lại cho con trai là

¹Trần Văn Giáp (chủ biên), *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, Nxb Văn Học, 2000, tr 416.

²Phan Văn Các, *Cổ duệ từ - Khúc hát gõ mái chèo*, Viện nghiên cứu Hán Nôm, 1999, tr 3.

³Bản dịch này công phu nhưng tiếc là chưa được toàn mỹ vì một số bài từ ngắt câu chưa chuẩn xác.

⁴Phan Văn Các, *Sđd*, tr 17 - 19

⁵Lý Tề Hiền là người Triều Tiên, có thể coi là danh gia từ học của Triều Tiên chịu ảnh hưởng của từ phong của Tô Đông Pha và Nguyên Hiếu Vãn. Tuy nhiên do ông sống nhiều năm ở Trung Quốc nên một số sách của Trung Quốc, nhất là các sách về từ sử thường coi ông là tác giả Trung Quốc.

Dur Đức Nguyên. Năm 1934, Dur Đức Nguyên đã 70 tuổi, ông chép lại bản *Cổ duệ từ*, viết lời bạt gửi cho *Từ học quý san* ở Thượng Hải. *Từ học quý san* là tạp chí chuyên về từ học do Long Du Sinh chủ biên, hoạt động từ tháng 4 năm 1933 đến tháng 9 năm 1936. *Vực ngoại từ tuyển* in lần đầu năm 1934, cùng với năm Dur Đức Nguyên viết lời bạt nhưng trong lời nói đầu sách không thấy Hạ Thừa Đảo ghi rõ ông tuyển từ bản nào, tuy vậy sách có in lời bạt của Dur Đức Nguyên, có thể ông đã tuyển 14 bài từ của Miên Thâm từ *Cổ duệ từ* do Dur Đức Nguyên sao chép gửi cho *Từ học quý san*. Không chỉ vậy, hai năm sau (ngày 30 tháng 6 năm Dân quốc thứ 25 (1936)), *Cổ duệ từ* đã được in toàn tập trên tạp chí *Từ học quý san* bao gồm trọn vẹn lời bạt của Dur Đức Nguyên¹. Như vậy, từ 1936 thông qua tạp chí *Từ học quý san*, *Cổ duệ từ* đã được lưu hành rộng rãi ở Trung Quốc. Bản do giáo sư Trần Nghĩa mô tả và chép lại cũng có lời bạt nói trên, theo đó, có phần chắc đó là bản sao lại từ bản mà Dur Đức Nguyên đã sao lục để gửi cho *Từ học quý san*, hoặc giả chính là bản *Cổ duệ từ* đã được in toàn văn trên tạp chí *Từ học quý san* năm 1936. *Cổ duệ từ* không thấy trong kho tư liệu Hán Nôm, có phần chắc đã mất. Tuy nhiên, bài tựa *Cổ duệ từ* hiện vẫn còn lưu trong sách *Thương Sơn ngoại tập* (ký hiệu A781/1, quyển IV, tờ 40-42).

Trong *Cổ duệ từ* và lời tựa đều ghi niên đại, do đó không rõ đích xác thời gian hoàn thành của *Cổ duệ từ*, chỉ biết rằng tập từ này được các sứ thần Việt Nam mang sang Trung Quốc năm 1854. Sứ đoàn này đi sứ nhà Thanh trong khoảng thời gian 1853 – 1855. Như vậy, *Cổ duệ từ* được hoàn thành trước, hoặc muộn nhất là năm 1853. Sau đó, nó có được chỉnh lí, bổ sung thêm hay không thì chưa thể khảo cứu được. Về số lượng tác phẩm trong *Cổ duệ từ* (bản lưu hành ở Trung Quốc), Huống Chu Di chỉ cho biết *Cổ duệ từ* gồm 1 quyển nhưng không rõ cụ thể số bài. *Vực ngoại từ tuyển* ho biết: “*Bạch Hào tử tên là Miên Thâm, hiệu là Tiêu Viên, người trong tông thất nước Việt Nam, có một quyển Cổ duệ từ, cả thầy có 104 bài.*”². Giáo sư Trần Nghĩa cũng cho là có 104 bài³.

Cổ duệ từ tuy là tác phẩm của một tác giả Việt Nam nhưng lại được biết đến và nổi tiếng tại Trung Quốc, văn bản *Cổ duệ từ* được *Từ học quý san* công bố 104 bài, thu hút sự quan tâm của rất nhiều nhà nghiên cứu Từ học hàng đầu ở Trung Hoa. Dur Đức Nguyên đã phải thốt lên rằng: “*Ôi! Việt Nam chỉ là một nước nhỏ ở đất phương nam xa xôi, cũng có người tinh thông từ học, nghiêm nhiên trở thành một nhà, vốn là do khí linh tú của núi sông, tuy ở nơi tuyệt vực vẫn không sao hết được.*” *Cổ duệ từ* là từ tập Việt Nam hiếm hoi hiện còn nguyên vẹn, với số lượng tác phẩm lớn chiếm hơn 1/3 tổng số các tác phẩm từ đã sưu tập được từ trước đến nay, cũng như số lượng các điều từ được Tùng Thiện Vương sử dụng trong *Cổ duệ từ* cũng phong phú hơn tất cả từ điều mà các tác gia Việt Nam sử dụng từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVIII. Có thể khẳng định đây là từ tập tiêu biểu nhất, đồ sộ nhất trong nền Văn học Trung đại Việt Nam.

¹ *Từ học quý san*, số 2, quyển 3, trang 102-123

² Hạ Thừa Đảo, Sdd tr.1.

³ Trần Nghĩa: “*Cổ duệ từ* của Miên Thâm dưới dạng toàn vẹn của nó”, in trong *Thông báo Hán Nôm* năm 2001, Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, 2002, tr. 385-392.

2. NỘI DUNG

Cổ duệ từ với Thanh không bút pháp

Trong lịch sử phát triển của lí luận từ học Trung Quốc, tác phẩm *Từ Nguyên* của Trương Viêm được coi là một trước tác kinh điển trong lãnh vực từ học - luận trước từ học kinh điển. Bộ từ luận này không chỉ dừng lại ở việc khen ngợi từ đàn thời Lương Tống, mà còn có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của lí luận từ học đời sau. *Từ Nguyên* đã đưa lí luận nhã hóa của từ lên một tầm cao mới trước đây chưa từng có, nhờ vào hàm lượng học thuật và tính lí luận cao mà *Từ Nguyên* được người ta tôn sùng. Trương Viêm trong cuốn *Từ Nguyên* này tập trung vào trào lưu tư tưởng “phục nhã tị tục” của từ đàn thời cuối Nam Tống, quay về quan niệm thẩm mỹ của sĩ đại phu. Thanh không bút pháp là mệnh đề thẩm mỹ được Trương Viêm lần đầu đề xướng trong cuốn *Từ Nguyên*. Trong cuốn *Vực ngoại từ tuyển*¹, Hạ Thừa Đào cho rằng *Cổ duệ từ* của Miên Thẩm theo khuynh hướng của Bạch Thạch, Ngọc Điền, tả diễm tình mà không tổn hại đến nét là lướt kiều mị (風格在白石玉田間, 寫艷情不傷軟媚).

Bạch Thạch tức Bạch Thạch Đạo Nhân Khương Quỳnh. Khương Quỳnh (姜夔), tự Nghiêu Chương (堯章), hiệu Bạch Thạch đạo nhân (白石道人). Khương Quỳnh sinh khoảng năm Thiệu Hưng thứ 25 (1155) đời Tống Cao Tông tại Giang Tây, Trung Quốc. Thời trẻ, ông sống ở Giang, Hoài; từ năm 30 tuổi, mới định cư dưới động Bạch Thạch thuộc núi Bình Sơn ở Hồ Châu (Chiết Giang). Khương Quỳnh đi thi nhiều lần nhưng không đỗ, suốt đời áo vải, sinh thời thường kết bạn với các danh sĩ như Dương Vạn Lý, Phạm Thành Đại, Tân Khí Tật,... Ông mất khoảng năm 1221 đời Tống Ninh Tông, thọ khoảng 66 tuổi. Từ cũng như thơ của Khương Quỳnh đều được đánh giá là có phong cách "thanh nhã" nhưng "xa vời", bởi ông chú trọng tìm tòi cái đẹp nghệ thuật mà xa rời hiện thực. Trương Viêm (1248-1320) tự là Thúc Hạ, hiệu là Ngọc Điền, còn có hiệu là Lạc Tiêu Ông, người đất Lâm An nay thuộc Chiết Giang. Ông là một từ gia lớn thời Tống-Nguyên, có tập *Trung Sơn bạch vân* từ gồm hơn 300 bài từ. Trương Viêm đặc biệt hâm mộ tác phẩm từ của Khương Quỳnh, một trong những Từ gia nổi tiếng bậc nhất thời Nam Tống, thường được các từ nhân đương thời xưng tụng. Trong cuốn *Từ Nguyên*, Trương Viêm lấy các tác phẩm từ của Khương Quỳnh để triển khai các quan điểm lí luận Từ học của mình.

Trương Viêm trong cuốn *Từ Nguyên* có viết: “Từ phải thanh không, không cần thực chất. Thanh không thì cổ nhã cao vời, thực chất thì ngưng trệ mờ tối. Từ của Khương Bạch Thạch như áng mây đồng nội bay đơn độc, đi lại không dấu vết. Từ của Ngô Sở Song như lâu đài thất bảo... Từ của Khương Quỳnh như đám mây nội bay đơn độc, đi hay ở không dấu vết,... không chỉ thanh không mà còn tao nhã, đọc nó khiến cho thần trí người ta bay xa”. Về văn bản tác phẩm *Cổ duệ từ*, ngay ở nhan đề của tập từ đã thể hiện rõ được nội dung chủ đạo của nó. *Cổ duệ* 鼓柁 nghĩa là gõ mái chèo, lấy chữ từ bài “Ngư phụ” 漁父 của Khuất Nguyên,

¹ Là tuyển tập từ ở ngoài cõi Trung Hoa do Hạ Thừa Đào tuyển chọn, gồm các tác phẩm từ của 8 tác giả gồm Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam. Trong cuốn này có tuyển chọn 14 bài từ của Tùng Thiện Vương. Cuốn sách này công bố đầu tiên năm 1934.

đại phu nước Sở cuối thời Chiến Quốc. Trong bài từ tựa, Miên Thâm có viết, các bài trong *Cổ duệ từ* “đều là bài hát của ngư phủ”. Lời hát của ngư phủ là lời hát của người ẩn dật, lánh đời. *Cổ duệ từ* chịu ảnh hưởng bởi phong cách từ Khương Quý được thể hiện ngay ở lời tựa của từ tập, Tùng Thiện Vương viết “*đưa chân gõ mạn thuyền, quay gọi Tiểu Hồng*”. Nhân vật Tiểu Hồng được nhắc ở đây vốn là ca kỹ tài sắc của Phạm Thành Đại (1126-1193). Phạm Thành Đại rất mến mộ tài năng của Khương Quý, từng khen Khương Quý rằng “văn chương nhân phẩm đều giống như các kẻ sĩ tao nhã thời Tấn-Tống” do đó hai người trở thành bạn vong niên với nhau. Mùa đông năm Thiệu Hy thứ nhất (1190), Khương Quý đội tuyết đến Thạch Hồ trao cho Phạm Thành Đại hai bài từ vịnh hoa mai là *Ám hương* và *Sơ ảnh* vừa mới làm xong, Phạm Thành Đại rất thích, bèn mang Tiểu Hồng tặng cho Khương Quý. Trong bài thơ tứ tuyệt “Quá Thùy Hồng” (Qua cầu Thùy Hồng) của Khương Quý viết trong đêm trừ tịch trên đường về Hồ Châu có câu:

自作新詞韻最嬌

Tự tác tân từ vận tối kiều

小紅低唱我吹簫

Tiểu Hồng đê xướng ngã xuy tiêu

Nghĩa là:

Mới viết được bài từ cực diễm kiều

Tiểu Hồng ca khẽ, ta thổi tiêu

Chi tiết nhắc đến Tiểu Hồng trong bài tựa *Cổ duệ từ* cho thấy Miên Thâm không chỉ chịu ảnh hưởng phong cách từ của Khương Quý, mà còn tỏ ra hâm mộ cách sống phóng khoáng, thung dung tự tại của tác giả này. Chính vì vậy mà đọc *Cổ duệ từ* dễ nhận ra những nét gần gũi với phong cách của Khương Quý, đặc biệt là những bài viết về hoa mai.

Trong bài *Ngư phủ*, Tùng Thiện Vương viết:

Phiên âm

Giang diều diều

Vô hạn bạch vân sa diều

Tà nguyệt vi phong ngư đình

Trạo ca thanh triệt hiều

Dã ái kê sơn thâm yếu

Bất quản ngư đa thiểu

Thế lộ ba đào ngô miễn liễu

Thử trung kham tổng lão

Dịch nghĩa

Sông mênh mang

Mây trắng vô vàn, chim sà bãi cát

Trăng tà gió nhẹ thuyền câu nhỏ

Tiếng ca mái chèo vọng suốt buổi sáng

Vốn yêu thích núi sông sâu thẳm

Chẳng quản cá nhiều hay ít

Sóng gió đường đời ta dứt sạch

Nơi đây đáng để vui thú tuổi già

Bài từ mở ra một không gian xa vời với ý tượng khoáng đạt dường như khác hẳn trần tục. Xét theo nhận xét của Trương Viêm về bút pháp thanh không thì ví như đám mây đồng nội bay đơn độc, lời từ đọc lên khiến cho thần trí người ta bay xa, những lời đó thật phù hợp với tâm cảnh được vương mô tả trong bài từ trên, mở ra là cảnh tượng sông rộng mênh mang như nối liền sắc trời, diễm tuyết bởi những áng mây đơn độc cùng cánh chim đang sà xuống, đọc đến đây ta liên tưởng đến câu nổi tiếng trong bài *Đăng vương các tự* của Vương Bột “*Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc/Lạc hà dĩ cô vụ tề phi*” (nước thu sánh với bầu trời bao la chung một sắc/ ráng chiều rơi cùng bay với cánh cò đơn độc), từ tâm cảnh lãnh đạm thanh

cao đó mới làm nền cho hình tượng chủ thể đầy nhẹ nhàng thanh thoát dứt sạch sóng gió đường đời, đi câu chẳng quản cá nhiều hay ít, mà chỉ để hòa mình vào thiên nhiên làm nhất thể, nơi ấy chỉ có gió nhẹ trắng tà, chỉ có tiếng ca gõ mái chèo vang vọng. Còn như trong bài *Thanh bình nhạc-Tảo phát*, Vương lại thể hiện một đặc điểm khác của bút pháp thanh không trong phong cách sáng tác của mình.

Phiên âm

*Xuân sơn mãn nhãn tranh vanh
Mã đề loạn tiễn vân hành
Đà tụy cao ngâm Chiêu ân
Lưu tuyền như họa tân thanh*

Dịch nghĩa

Núi mùa xuân chênh vênh ngọc mắt
Vó ngựa đạp tung mây mà đi
Ngà say cao giọng ngâm thơ Chiêu ân
Suối chảy như họa theo âm thanh mới

Câu từ toát lên khí chất ngạo nghễ ngất ngưỡng của người ẩn sĩ, nhưng nét ngạo nghễ đó dường như đứng theo trào lưu “*phục nhĩ tị tục*” tức là quay về với cái thanh nhã mà lánh cái tục. Tính cách điệu trong từ của Miên Thâm rất cao, trong từ đồng thời vừa miêu tả tình cảm bên trong vừa miêu tả tâm cảnh, đem cảm xúc rất lớn về nhân tình thế thái và nỗi niềm tâm sự gắm vào trong, tuy “*duyên tình*” mà không mất đi tính “*ngôn chí*”. Tình cảm của Miên Thâm tuy bắt nguồn từ cuộc sống bản thân, thường gián tiếp viết ra, hư ngoại truyền thần, nhưng mỗi chữ đều là làm ra từ tâm can, tỏ rõ chân tình, biểu đạt tiếng lòng chân thực của bậc cao sĩ. Tuy cuộc sống nhiều biến cố nhưng Tùng Thiện Vương luôn giữ được khoảng lòng thanh cao. Cuộc sống hiện thực không như ý và nội tâm cao khiết của văn nhân có sự xung đột, khiến cho thơ từ của vương không khoáng đạt như Tô Đông Pha, không hào phóng như Giá Hiên, mà trái lại lại tạo nên một cảnh giới hoàn toàn khác biệt, bút ý thanh hư, mỗi câu tựa như tả cảnh, nhưng kì thực là thổ lộ tiếng lòng. Trong bài *Thấm viên xuân-Quá cố công chúa phế trạch*, ngài có viết:

Phiên âm

*Du du vãng sự kham liên
Huống nhật mộ kinh quá bội âm nhiên
Đản tịch dương dục lạc
Chiếu tàn phương thảo
Hôn nha chính nhãn
Đề đoạn hàn yên
Tạm trụ cung chi
Thiến châm bôi tửu
Ám chúc khinh nghiêu phế chi biên
Vi phong lí
Hoàng ngọc tiêu phảng phát
Nguyệt hạ dao truyền*

Dịch nghĩa

Chuyện cũ miên man thương cảm
Huống hồ chiều xuống, càng thêm thương cảm
Chỉ là mặt trời sắp lặn
Chiếu cho cỏ xanh tàn úa
Quạ chiều đông đúc
Kêu xé cả khói lạnh
Tạm chống cành tre làm gậy
Rót vơi chén rượu
Khẩn thâm, rười nhẹ bên di chỉ hoang phế
Trong gió nhẹ
Bỗng phảng phát tiếng tiêu ngọc
Truyền lại từ xa dưới ánh trăng

Bài từ mở ra một bức tranh trần ngập sự thê lương được vẽ bằng gam màu lạnh của nội tâm tác giả, nơi đó chỉ có ánh chiều le lói sắp tắt, tiếng quạ lạnh lẽo kêu vang trời như thay lời từ nhân khóc thương cho sự hoang tàn, nhưng cảnh thê lương ấy không kết thúc bằng bi lụy mà lại là sự vút lên của sự thanh cao siêu thực bằng hình ảnh tiếng tiêu ngọc dưới ánh trăng. Có lẽ cuộc đời thăng trầm, niềm thất vọng với thời cuộc, cộng thêm tâm sự riêng tư

khiến cho Tùng Thiện Vương dùng một con mắt thê lãnh bi thương để nhìn thế giới. Dưới con mắt này, cả một thế giới đều phẳng phất trong một làn sương thu lạnh lẽo, cũng vì thế mà ông chuộng sử dụng những từ ngữ dạng như “lãnh, thanh, hàn, ám”, cho đến những cụm từ có tính u ám lạnh lẽo như “lãnh nguyệt, hàn nha, ám vũ”, dưới sự điểm xuyết những từ ngữ này trong từ của Miên Thâm hiện ra một tâm cảnh thê lương, tạo nên một cảnh giới lạnh lẽo thanh cao.

3. KẾT LUẬN

Do có sự dụng công sâu sắc đối với thể loại từ, tác phẩm *Cổ duệ từ* của Miên Thâm đạt đến độ sâu của cảm xúc và sự thuần thục về bút pháp. Nếu như Từ còn là một thể loại còn tương đối mới mẻ và ít được dụng công sáng tác ở nước ta, thì Tùng Thiện Vương đã có thể tiếp cận lí luận Từ học khá sớm và nghiên cứu tiếp thu những trường phái đầy hàn lâm mà ngay cả tại Trung Hoa cũng không phải văn nhân nào cũng có thể sáng tác theo được. Có thể khẳng định vương là từ nhân chuyên nghiệp nhất trong các tác gia từ Việt Nam, ngay cả các chuyên gia từ học Trung Quốc như Huống Chu Di, Hạ Thừa Đảo... đều đánh giá rất cao. Ngoài việc tuân thủ toàn bộ những quy tắc rất khắt khe trong việc sáng tác từ như cách luật, cú thức... thì từ của Tùng Thiện Vương cũng có rất nhiều nét độc đáo riêng mà được đánh giá là “nghiễm nhiên trở thành một nhà”. Với bút pháp thanh không trong *Cổ duệ từ* như một sự điểm xuyết đầy chấm phá trong dòng chảy văn học nước ta. Nó không chỉ làm đa dạng thêm về thể loại mà còn làm phong phú thêm cho các trường phái tư tưởng sáng tác. Và cũng có thể coi đây như một minh chứng rõ nét nhất cho thấy tầm cỡ của một đại gia văn chương đáng cho chúng ta dụng công nghiên cứu nhiều hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thế Anh (2001), “Từ Trung Hoa và ảnh hưởng của nó ở Việt Nam”, *Tạp chí Hán Nôm*.
2. Trần Thị Kim Anh, Hoàng Hồng Cẩm (2010), *Các thể văn chữ Hán Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.
3. Phạm Văn Ánh, *Thể loại từ Việt Nam thời trung đại* (Văn bản – tác giả - tác phẩm), Nxb. Đại học Sư phạm, năm 2018.
4. Phạm Văn Ánh (2013), “*Cổ duệ từ* của Miên Thâm: Văn bản, quan niệm sáng tác và nguồn ảnh hưởng”, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*, số 11.
5. Nguyễn Huệ Chi (2013), *Văn học cổ cận đại Việt Nam từ góc nhìn văn hóa đến các mã nghệ thuật* (Đặng Thị Hảo giới thiệu và tuyển chọn), Nxb. Giáo dục.
6. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, *Các triều đại Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên.
7. Nguyễn Quang Duy, *Cổ duệ từ* (dịch), Nxb. Hội nhà văn.
8. Dương Quảng Hàm (2002), *Việt Nam văn học sử yếu*, Nxb. Hội nhà văn.
9. Lưu Hiệp, *Văn Tâm Diệu Long*, Nxb. Văn học.
10. Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, Nxb. Văn học.
11. Trần Nghĩa (2002), “*Cổ duệ từ* của Miên Thâm dưới dạng toàn vẹn của nó”, *Thông báo Hán Nôm* (2001), Viện nghiên cứu Hán Nôm.

**THE SONG OF FISHERMEN'S (CO DUE TU) CLEAR
AND EMPTY IN THINKING WRITING TECHNIQUE
OF TUNG THIEN VUONG MIEN THAM**

***Abstract:** In the late 18th century, Mien Tham, well known with his royal title of the lord Tung Thien, was known as a giant in literature communication at that time looking at his enormous number of highly recommended works. Among them, it would be remiss not to mention "The song of Fishermen"(Co Due Tu), as it is his most blooming work and is the most representative and complete "ci" collection in Vietnamese literature history until now. In this work, Mien Tham reached his peak of art creation, expressing his emotion in deep using sophisticated writing technique all in his unique style that is praised as "a style of his own" which suited with the title "the senior poet of one time" that people gave him.*

***Keywords:** Mien Tham, Co due tu, Poem in Rhythm, elevated and empty calligraphy.*